

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2019/HS-ST.
Ngày 07-8-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Giàu.

Ông Phạm Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quýết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 255/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 451/2019/HSST-QĐ ngày 12/7/2019 và Thông báo số 90/2019/TB-TA ngày 31/7/2019 đối với bị cáo:

Lư Huỳnh Thanh T, sinh năm 1989 (tên gọi khác: T Ghê)

Nơi đăng ký NKTT: 64/4/6, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 32, khu phố 2A, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, Đảng phái: Không; Con ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1956 (đã chết) và bà Lư Thị H, sinh năm 1956; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Trần Thị H, sinh năm 1990 và có 02 con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: 02 lần bị đưa vào Trường giáo dưỡng và đưa vào cơ sở giáo dục.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019. Hiện bị cáo đang

bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Bị hại: Anh **Phạm Đức H**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 176C/14, tổ 29A, khu phố 2, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 176C/14, tổ 29A, khu phố 2, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, Lư Huỳnh Thanh T mang theo một đoạn hình chữ L dùng để phá khóa xe mô tô để trong túi quần đi xung quanh khu phố 2A, phường D, thành phố B, mục đích tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà nghỉ “H” cùng địa chỉ, T nhìn thấy bên trong sân nhà nghỉ có 02 xe mô tô không có người trông coi, T liền đi vào trong sân nhà nghỉ, rồi sử dụng đoạn hình chữ L phá khóa xe mô tô biển kiểm soát số 60T4-8837, nổ máy chạy đi đến đường Võ Thị Sáu thuộc phường N, thành phố B bán cho một người tên Phi (không rõ nhân thân) với giá 1.800.000 đồng. Phi đưa cho T số tiền 1.500.000 đồng và số ma túy tương ứng số tiền 300.000 đồng. Số tiền 1.500.000 đồng T đã tiêu xài hết. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/3/2019 T tiếp tục mang theo đoạn hình chữ L trên tiếp tục đi tìm nhà nào có sơ hở để trộm cắp tài sản thì bị lực lượng Công an phường D, thành phố B phát hiện bắt giữ, lập hồ sơ chuyển đến cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra theo thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh, biển số: 60T4-8837, số máy 0640637, số khung 640705 không thu hồi được.

- 01 đoạn hình chữ L dài khoảng 10cm, một đầu nhọn dẹp của T.

Trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Đức H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 83/TCKH-HĐĐG ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, biển số: 60T4-8837, số máy 0640637, số khung 640705 có giá trị định giá là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa không có ý kiến đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa.

Bản cáo trạng số: 262/CT-VKSBH ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Lư Huỳnh Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lư Huỳnh Thanh T từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đoạn hình chữ L dài khoảng 10cm, một đầu nhọn đẹp. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người bị hại, người làm chứng các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/3/2019, tại nhà nghỉ “H” địa chỉ khu phố 2A, phường D, thành phố B, Lư Huỳnh Thanh T đã có hành vi dùng đoạn hình chữ L phá khóa lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát số 60T4-8837, có giá trị định giá là 9.000.000 đồng của anh Đức H. Sau đó T bán xe mô tô trên cho đối tượng tên Phi (không rõ nhân thân được số tiền 1.800.000 đồng và đã tiêu xài hết. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/3/2019, T tiếp tục sử dụng đoạn hình chữ L trên đi đến khu phố 2A, phường D để trộm cắp tài sản thì bị bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có việc làm, không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh, biển số: 60T4-8837, số máy 0640637, số khung 640705 không thu hồi được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- 01 đoạn hình chữ L dài khoảng 10cm, một đầu nhọn đẹp của bị cáo T là công cụ bị cáo dùng để phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Đức H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Lư Huỳnh Thanh T đồng ý bồi thường cho anh Phạm Đức H nên buộc bị cáo T bồi thường cho anh Phạm Đức H số tiền 9000.000 đồng.

[8] Đối với người tên Phi có hành vi mua xe mô tô biển kiểm soát số 60T4-8837 do Lư Huỳnh Thanh T trộm cắp mà có, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lư Huỳnh Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lư Huỳnh Thanh T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn hình chữ L dài khoảng 10cm, một đầu nhọn đẹp. (Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 30/5/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.)

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lư Huỳnh Thanh T phải bồi thường cho anh Phạm Đức H số tiền: 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Loan Trần Hải Yến